TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm số: 23/2017/KDTM-GĐT Ngày 08-8-2017 V/v tranh chấp tiền sử dụng nhà xưởng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- ***Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có***: 16 (mười sáu) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa***: Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp tiền sử dụng nhà xưởng" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần D; địa chỉ: Số 9, đường Đ, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 10-10-2014).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P; địa chỉ: Phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Trọng L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 04-8-2015).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền ngày 13-11-2015).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17-5-2013, được sửa đổi, bổ sung và rút một phần vào ngày 13-6-2013, ngày 27-10-2014, ngày 15-01-2015, ngày 30-6-2015 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty cổ phần D trình bày:

Ngày 28-4-1992, P Co., Ltd (sau đây viết tắt là P Hàn Quốc) và Nhà máy D (nay là Công ty cổ phần D, viết tắt là Công ty D) ký Bản thỏa thuận để trên cơ sở đó P Hàn Quốc thành lập doanh nghiệp 100% vốn tại Việt Nam (Công ty lép vốn). Theo đó, Nhà máy D sẽ cho Công ty lép vốn thuê, thông qua hợp đồng, nhà xưởng và đất đai mà Công ty lép vốn cần, để cho các hoạt động của Công ty (điểm d mục 3). Việc thuê cơ sở sản xuất thông qua hợp đồng sẽ như sau:

1. Nhà xưởng 34.172,78 m^2 x 10 USD/m^2/năm = 341.727,80 USD;

2. Cấu trúc kể cả đường xá 1.701,60 m^2 x 10 USD/m^2/năm = 17.016,00 USD (điểm a mục 4).

Thời hạn thuê sẽ là 20 năm kể từ ngày sử dụng cơ sở sản xuất của Công ty lép vốn; cơ sở sản xuất sẽ để sẵn cho Công ty lép vốn sử dụng không chậm quá trước ngày 30-6-1992; thời hạn cho thuê có thể được gia hạn thông qua thỏa thuận chung giữa P Hàn Quốc và Nhà máy D (điểm d mục 4). Các tranh chấp có liên quan đến thỏa thuận này sẽ chính thức được giải quyết theo nguyên tắc hòa giải và trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế, do một hoặc nhiều trọng tài viên được chỉ định phù hợp với nguyên tắc nêu trên. Sự phán xử sẽ tiến hành tại Seoul, Hàn Quốc (điểm b mục 9). P Hàn Quốc có thể giao thỏa thuận này cho Công ty lép vốn thực thi, sau khi công ty này được thành lập; P Hàn Quốc/Công ty lép vốn có quyền được phân công công việc hoặc cho thuê từng phần cơ sở sản xuất này (mục 10).

Thực tế, Công ty lép vốn được thành lập với tên gọi Công ty hữu hạn P Việt Nam, sau đó đổi tên thành Công ty hữu hạn P Yoochang Việt Nam, Công ty hữu hạn P, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P (sau đây viết tắt là Công ty P).

Ngày 7-12-1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ) ra Quyết định số 2348/QĐ-UB về việc hợp thức hóa việc Công ty P Việt Nam (nay là Công ty P) thuê 64.242 m^2 đất tại phường N, thành phố V, do một phần xưởng dệt của Công ty D gắn liền với đất.

Để thực hiện Quyết định số 2348, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú đã giao cho Sở Địa chính ký hợp đồng thuê đất với Công ty P Việt Nam.

Ngày 13-12-1995, Sở Địa chính tỉnh Vĩnh Phú đã ký Hợp đồng số 05/HĐ-TĐ cho Công ty P Việt Nam thuê 64.242 m^2 đất nêu trên.

Ngày 14-12-1995, Công ty P Việt Nam được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003/QSDĐ/TĐNN với thời hạn 20 năm kể từ ngày 17-8-1992 đến ngày 17-8-2012.

Ngày 20-11-2002, Sở Địa chính tỉnh Vĩnh Phú và Công ty P Yoochang Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê đất số 254/HĐ-TĐ. Theo đó, việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với hợp đồng thỏa thuận giữa Công ty D và P Hàn Quốc ký ngày 28-4-1992 (Điều 2).

Công ty D cho rằng Công ty P trực tiếp sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê tài sản cho Công ty D theo Bản thỏa thuận ngày 28-4-1992 nêu trên cho

đến ngày 30-6-2012. Tuy nhiên, hết thời hạn thuê, Công ty P và Công ty D không thỏa thuận được việc thanh lý Bản thỏa thuận. Công ty P tiếp tục sử dụng tài sản thuê của Công ty D. Công ty D đã có nhiều văn bản đề nghị Công ty P thanh lý hợp đồng, trả lại nhà xưởng và đường đi cho Công ty D nhưng Công ty P không thực hiện nên Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ buộc Công ty P phải trả cho Công ty D tiền sử dụng tài sản hoặc tiền chậm trả lại tài sản là nhà xưởng 34.172,78 m^2 và đường đi 1.701,6 m^2 cùng với giá 10USD/năm từ ngày 30-6-2012 đến ngày 30-6-2015, tiền gốc là: 1.076.231,4USD quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 30-6-2015 là 21.673 đồng/USD = 23.325.163.132 đồng, tiền lãi là 2.099.264.682 đồng; tổng cả gốc và lãi là 25.424.427.814 đồng. Đề nghị Tòa án hủy Điều 2 của Hợp đồng thuê đất số 254/HĐ-TĐ ngày 20-11-2002 giữa Sở địa chính tỉnh Phú Thọ (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ) với Công ty P Yoochang Việt Nam.

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P trình bày: Không đồng ý với Đơn khởi kiện của Công ty cổ phần D, cụ thể là:

1. Về đối tượng bị kiện: Việc ký Hợp đồng thuê tài sản ngày 28-4-1992 là đúng. Sau khi có hợp đồng, Công ty P đã trả tiền thuê trong 20 năm đúng như hợp đồng thỏa thuận, hết hạn hợp đồng thì Công ty D và P Hàn Quốc giải quyết với nhau như thế nào Công ty P không hề biết. Việc Công ty D khởi kiện Công ty P là không có căn cứ.

Công ty P là một pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam, không tham gia thỏa thuận thuê tài sản với Công ty D, mà chỉ P Hàn Quốc mới ký hợp đồng thuê tài sản, việc Công ty P sử dụng tài sản là thỏa thuận riêng với P Hàn Quốc, nay phát sinh tranh chấp khi hết hạn hợp đồng thì Công ty D phải giải quyết với chủ thể là P Hàn Quốc, Công ty P không thuộc đối tượng bị kiện. Các nội dung khác không có liên quan đến Công ty P nên không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ kiện này. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trả lại đơn khởi kiện của Công ty D.

2. Về thẩm quyền giải quyết: Vì không thuộc đối tượng bị khởi kiện theo quy định tại mục B Điều 9 của Biên bản ký kết ngày 28-4-1992 nên việc tranh chấp giữa hai bên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân của Việt Nam.

Đất mà Công ty P đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ hợp thức theo Hợp đồng thuê đất số 254/HĐ-TĐ ngày 20-11-2002 thuộc đất sử dụng của Công ty P, nên không phải trả tiền thuê đất cho Công ty D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày:

Ngày 7-12-1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ) ra Quyết định số 2348/QĐ-UB về việc hợp thức hóa đất thuê của Công ty P Việt Nam (nay là Công ty P).

Quyết định số 2348/QĐ-UB có nội dung: "Hợp thức hóa việc thuê 64.242 m^2 đất của Công ty P Việt Nam tại phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phú do Công

ty P - Hàn Quốc thuê một phần xưởng dệt của Công ty D có gắn liền với đất từ ngày 17-8-1992 để thành lập Công ty 100% vốn nước ngoài. Vị trí khu đất thuê được xác định theo mốc giới trên bản đồ địa chính số 04 TĐ do Sở Địa chính thẩm định xác lập. Thời hạn thuê đất là 20 năm kể từ ngày 17-8-1992. Công ty P Việt Nam có trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất đến hết ngày 31-12-1995 với Công ty D và từ ngày 01-01-1996 Công ty P Việt Nam có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính".

Diện tích đất 64.242 m^2 mà Công ty hữu hạn P Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV P) được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ hợp thức hóa thuê đất có nguồn gốc là một phần của thửa đất được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Công nghiệp nhẹ sử dụng với diện tích 240.000 m^2, tại xã P và xã M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường N, thành phố V) để xây dựng Nhà máy liên hiệp D. Việc hợp thức hóa cho thuê đất cho Công ty P trên cơ sở Công ty D (nay là Công ty cổ phần D) giảm nhu cầu sử dụng đất đã cho Công ty P thuê một phần nhà xưởng trên diện tích 64.242 m^2 theo Hợp đồng thuê tài sản ngày 28-4-1992, thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 30-6-1992 đến ngày 30-6-2012 (được sự đồng ý của Bộ Công nghiệp nhẹ Việt Nam tại Văn bản số 21-CNn/HĐQT ngày 12-2-1992) và việc sử dụng đất ổn định của Công ty P từ năm 1992. Vì là quyết định hợp thức hóa thuê đất cho Công ty P đang sử dụng ổn định nên Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú không có quyết định thu hồi đất của Công ty cổ phần D. Công ty D đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, hợp thức cho thuê diện tích đất các khu vực còn lại đang sử dụng.

Sau đó, Sở Địa chính cho Công ty P Việt Nam thuê đất theo Hợp đồng số 05/HĐ-TĐ ngày 13-12-1995 và Hợp đồng bổ sung số 11/HĐ-TĐ ngày 14-11-1998 với thời hạn 20 năm kể từ ngày 17-8-1992 đến ngày 17-8-2012. Năm 2002, căn cứ vào Giấy phép đầu tư số 1433 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 20-3-1997 và Văn bản số 02-105 ngày 28-10-2002 của Công ty P Yoochang Việt Nam, Sở Địa chính đã ký Hợp đồng thuê đất số 254/HĐ-TĐ ngày 20-11-2002 cho Công ty P Yoochang Việt Nam kéo dài thời hạn thuê đất đến năm 2025. Quan điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ là Hợp đồng số 254 chưa phù hợp với pháp luật vì diện tích đất có hệ thống nhà xưởng đang tranh chấp. Trong khi Công ty D đang sử dụng thì hợp thức hóa cho Công ty P Yoochang Việt Nam thuê theo Hợp đồng số 05 mà không có văn bản thu hồi trước khi hợp thức hóa cho thuê đất. Như vậy, thửa đất này khi hết thời hạn cho thuê là do Nhà nước đang quản lý; hiện tại Công ty P đang sử dụng đất nhưng đã hết thời gian cho thuê và đề nghị tiếp tục thuê. Về chủ trương, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý giao Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất và hướng dẫn Công ty P thực hiện các thủ tục gia hạn thuê đất theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Đề nghị Tòa án chỉ giải quyết việc tranh chấp tiền sử dụng nhà xưởng giữa Công ty D với Công ty P; còn phần tranh chấp đất sử dụng tách ra giải quyết theo trình tự khác để bảo đảm cho các bên và bảo đảm môi trường đầu tư ổn định và phát triển.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 01-7-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty cổ phần D đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải trả tiền sử dụng nhà xưởng, đường đi cho Công ty cổ phần D từ ngày 30-6-2012 đến ngày 30-6-2015. Tổng số tiền là 1.076.231,4 USD, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 30-6-2015: 21.673 đồng/USD = 23.325.163.132 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần D đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P số tiền lãi chậm trả trong 2 năm từ 30-6-2013 đến 30-6-2015 là 2.099.264.682 đồng và yêu cầu hủy Điều 2 của Hợp đồng 254 ngày 20-11-2002 giữa Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Phú Thọ với Công ty hữu hạn P Yoochang Việt Nam.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ điều chỉnh Hợp đồng số 254/20-11-2002 giữa Sở Địa chính tỉnh Phú Thọ và Công ty P Yoochang Việt Nam (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P) để cho phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng của hai bên đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09-7-2015, Công ty D có đơn kháng cáo yêu cầu buộc Công ty P phải trả tiền lãi.

Ngày 08-7-2015, Công ty P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định số 10/2016/QĐPT-KDTM ngày 22-01-2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: *Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp tiền sử dụng nhà xưởng giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần D với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.*

Ngày 18-7-2016 và ngày 06-9-2016, Công ty P có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2016/KN-KDTM ngày 19-10-2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh, thương mại số 10/2016/QĐPT-KDTM ngày 22-01-2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 01-7-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc tranh chấp về tiền sử dụng nhà xưởng giữa Công ty cổ phần D với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phát sinh từ Bản thỏa

thuận ngày 28-4-1992. Mặc dù, trong Bản thỏa thuận ngày 28-4-1992 có thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc hòa giải và trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế là phù hợp với quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987; nhưng do tài sản thuê/cho thuê là nhà xưởng và đất đai là bất động sản, mà tranh chấp có liên quan đến quyền đối với bất động sản thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 411 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011) nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp ngoài hợp đồng là không đúng, bởi lẽ: Việc đánh giá quyền và nghĩa vụ của các bên phải theo Bản thỏa thuận ngày 28-4-1992 nên khi có tranh chấp về việc thanh toán, Tòa án cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh, thương mại về thanh toán tiền sử dụng nhà xưởng phát sinh từ Bản thỏa thuận ngày 28-4-1992.

[2] Bên cạnh đó, theo Bản thỏa thuận ngày 28-4-1992 thì việc gia hạn hay không gia hạn thời hạn thuê là do thỏa thuận giữa P Hàn Quốc và Công ty D nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa P Hàn Quốc vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Công ty D khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền sử dụng nhà xưởng và cấu trúc đường xá là tài sản của Công ty D xây dựng và cho Công ty P thuê; còn Công ty P vẫn đang tiếp tục sử dụng tài sản nêu trên của Công ty D nên phải có nghĩa vụ trả tiền là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty D yêu cầu thanh toán tiền sử dụng tài sản với giá 10 USD/m^2/năm nhưng tại phiên hòa giải ngày 31-3-2015, Công ty P chỉ đồng ý mức giá 3 USD/m^2/năm vì hiện nay đất do Công ty P đang thuê của Nhà nước. Việc các bên không thống nhất được mức giá sử dụng tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ra quyết định định giá tài sản thuê để xác định mức giá thuê là không đúng với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011) vì tình trạng tài sản và quyền đối với tài sản của Công ty D khi khởi kiện vụ án vào năm 2013 không còn như năm 1992, đã bị khấu hao sau hơn 20 năm sử dụng nên giá trị tài sản và mức giá sử dụng tài sản cũng thay đổi, không còn như thỏa thuận ban đầu. Khi giải quyết lại vụ án, trong trường hợp các bên không gia hạn thời hạn thuê, Tòa án cần ra quyết định định giá tài sản theo hiện trạng và thành lập Hội đồng định giá theo đúng quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, làm cơ sở tính tiền sử dụng tài sản từ 01-7-2012 đến khi thanh lý Bản thỏa thuận ngày 28-4-1992.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 (nay là điểm a khoản 1 Điều 59 và điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013) thì trong vụ án này thẩm quyền cho thuê đất, thu hồi đất đối với tổ chức là của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; do đó, Tòa án cần kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ hoàn tất các thủ tục về thu hồi và cho thuê đất, giải quyết dứt điểm tài sản trên đất trước khi cho thuê để tránh phát sinh những tranh chấp tiếp theo.

[5] Tòa án cấp phúc thẩm đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và triệu tập phiên tòa 03 lần vào ngày 10-11-2015, ngày 22-12-2015 và ngày 22-01-2016 nhưng phiên tòa lần thứ nhất hoãn do vắng người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do; phiên tòa lần thứ hai hoãn do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa; đến phiên tòa lần thứ 3 thì người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều có đơn xin hoãn phiên tòa, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011) thuộc trường hợp bị đơn từ bỏ việc kháng cáo; người đại diện của nguyên đơn cũng rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án là có căn cứ; nhưng do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 01-7-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có hiệu lực pháp luật theo Quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm nên phải hủy cả Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2016/KN-KDTM ngày 19-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh, thương mại số 10/2016/QĐPT-KDTM ngày 22-01-2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 01-7-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về vụ án "Tranh chấp tiền sử dụng nhà xưởng" giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần D với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND tỉnh Phú Thọ (kèm hồ sơ);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình